TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 9 - 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Ứng Văn Cường;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bàn Thị Huệ và bà Lý Thị Dung.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Thị Viên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mùa Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: Bản T, xã X, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phàng A C; Sinh năm 1988; địa chỉ: Bản T, xã X, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng G - Ngân hàng G chi nhánh tỉnh S; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, Giám đốc. Địa chỉ: Bản B, xã B, tỉnh Sơn La có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2026, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Mùa Thị D trình bày:

Chúng tôi tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 01/10/2019 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Sơn La (Nay là UBND xã X, tỉnh Sơn La), trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về cuộc sống gia đình, khi xảy ra mâu thuẫn anh Phàng A C đánh đập tôi nhiều lần, bản thân tôi đã cố gắng vun vén hạnh phúc gia đình và nhờ họ hàng khuyên ngăn nhưng không thành. Chúng tôi đã sống ly thân từ thánh 3 năm 2026 đến nay. Tôi nhận thấy hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Chúng tôi có bốn con chung là cháu Phàng Thị M, sinh ngày 01/8/2006, cháu Phàng Thị D1, sinh ngày 12/7/2009, cháu Phàng Thị L, sinh ngày 22/5/2011 và cháu Phàng Tráng L1, sinh ngày 15/5/2015. Nguyên vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là cháu Phàng Thị D1, Phàng Thị L, Phàng Tráng L1, còn cháu Phàng Thị M đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng: Tôi chưa yêu cầu anh Phàng A C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn là anh Phàng A C trình bày:

Chúng tôi tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 01/10/2019 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Sơn La (Nay là UBND xã X, tỉnh Sơn La), trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chúng tôi xuống làm công ty, chị Mùa Thị D có quan hệ với người đàn ông khác. Tôi nhận thấy hiện tại tình cảm vợ chồng vẫn còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi được quay lại đoàn tụ.

Về con chung: Chúng tôi có bốn con chung là cháu Phàng Thị M, sinh ngày 01/8/2006, cháu Phàng Thị D1, sinh ngày 12/7/2009, cháu Phàng Thị L, sinh ngày 22/5/2011 và cháu Phàng Tráng L1, sinh ngày 15/5/2015. Trường hợp ly hôn nguyên vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là cháu Phàng Thị D1, Phàng Thị L, Phàng Tráng L1, còn cháu Phàng Thị M đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Tôi chưa yêu cầu chị Mùa Thị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chúng tôi có vay nợ Ngân hàng G số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), đề nghị Tòa án phân chia giải quyết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 28/7/2026 với chính quyền địa phương bản T, xã X, tỉnh Sơn La xác định:

Chị Mùa Thị D và anh Phàng A C có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại bản T, xã X, tỉnh Sơn La, chị Mùa Thị D trước khi kết hôn với anh Phàng A C thì chị D có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện B, tỉnh Sơn La (nay là xã B, tỉnh Sơn La). Vào khoảng tháng 10 năm 2019, chị Mùa Thị D và anh P A C kết hôn, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị D và anh C về sinh sống tại bản T, xã X, tỉnh Sơn La.

Quá trình chung sống của hai anh chị hạnh phúc được một thời gian theo phản ánh từ hàng xóm cho biết chị D và anh C xảy ra mâu thuẫn. Do chị D và anh C đã tự hòa giải với nhau, chưa yêu cầu chính quyền bản hoà giải nên chính quyền bản không nắm được cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng cũng như chưa

tiến hành hòa giải cho chị D và anh C. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, chị Mùa Thị D yêu cầu ly hôn với anh Phàng A C. Hiện tại, chị D và anh C cùng đi làm ăn xa, thỉnh thoảng vẫn về thăm con cái và gia đình.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ chung của chị Mùa Thị D và anh Phàng A C có hay không, chính quyền bản cũng không nắm rõ.

Về con chung: Chị Mùa Thị D và anh Phàng A C có 04 con chung là cháu Phàng Thị M, sinh ngày 01/8/2006, cháu Phàng Thị D1, sinh ngày 12/7/2009, Phàng Thị L, sinh ngày 22/5/2011 và cháu Phàng Tráng L1, sinh ngày 15/5/2015. Hiện tại cháu Phàng Thị M và cháu Phàng Thị D1 đã lập gia đình và đi làm dâu, còn cháu Phàng Thị L và cháu Phàng Tráng L1 đang sống với bố và ông bà nội ở bản T, xã X, tỉnh Sơn La.

Ngày 10/8/2026 Toà án triệu tập các bên đương sự tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ các đương sự đã biết tài liệu chứng cứ mà các bên cung cấp, không giao nộp, bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ hay triệu tập thêm người tham gia tố trụng, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tại buổi hòa giải ngày 10/8/2026 chị D và anh C đã thống nhất được các nội dụng sau:

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những nội dung đương sự chưa thống nhất được.

Về quan hệ hôn nhân: Anh C không nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị D.

Về con chung: Các đương sự cùng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về vay nợ chung: Anh C, chị D có vay nợ Ngân hàng G số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), anh C đề nghị Tòa án phân chia giải quyết. Chị D không nhất trí phân chia vì số tiền này vì chị D không được sử dụng.

Ý kiến của N hành chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh S, Phòng G cho rằng: Ngày 12/10/2024 Phòng G đã ký hợp đồng vay vốn với hộ gia đình ông Phàng A C và bà Mùa Thị D theo mã món vay số 6600000729522218 số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn) do ông Phàng A C là người đại diện đứng tên trên hồ sơ vay vốn theo giấy ủy quyền của các thành viên trong gia đình ký ngày 30/9/2024; thời hạn khoản vay là 5 năm, hạn trả nợ là ngày 12/10/2029. Nay chị Mùa Thị D yêu cầu ly hôn anh Phành A C1 đối với khoản vay 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn) và lãi phát sinh yêu cầu ông Phàng A C và các thành viên cùng ký kết tại thời điểm thiết lập hồ sơ vay và cùng sử dụng vốn vay phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người vay vốn đã thỏa thuận.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau khi thụ lý vụ án đã được Toà án thông báo bổ sung về việc thụ lý vụ án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án và được Toà án triệu tập hợp lệ và có ý kiến bằng văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đứng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 59, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn chị Mùa Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mùa Thị D được ly hôn anh Phàng A C

- Về con chung: Giao cháu Phàng Thị D1, sinh ngày 12/7/2009, Phàng Thị L, sinh ngày 22/5/2011 cho anh P A C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động; Giao cháu Phàng Tráng L1, sinh ngày 15/5/2015 cho chị Mùa Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Chị Mùa Thị D và anh P A C chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Mùa Thị D có trách nhiệm thanh toán số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng G tại phòng G; anh Phàng A C có trách nhiệm thanh toán số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng G tại phòng G

- Về án phí: Miễn án phí cho chị Mùa Thị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét về hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị Mùa Thị D là phù hợp quy định của pháp luật. Việc khởi kiện trên thuộc trường hợp tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án anh Phàng A C có nơi cư trú tại xã X, tỉnh Sơn La vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mùa Thị D và anh Phàng A C đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2019. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Sơn La). Do đó quan hệ hôn nhân của chị Mùa Thị D và anh Phàng A C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo ý kiến của chị Mùa Thị D là do mâu thuẫn về cuộc sống gia đình, khi xảy ra mâu thuẫn anh Phàng A C đánh đập chị D nhiều lần, bản thân chị D đã cố gắng vun vén hạnh phúc gia đình và nhờ họ hàng khuyên ngăn nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2026 đến nay. Chị D nhận thấy hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Còn anh Phàng A C thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng xuống làm công ty, chị Mùa Thị D có quan hệ với người đàn ông khác. Anh C nhận thấy hiện tại tình cảm vợ chồng vẫn còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho quay lại đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của hai anh, chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mùa Thị D là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh C có bốn con chung là cháu Phàng Thị M, sinh ngày 01/8/2006, cháu Phàng Thị D1, sinh ngày 12/7/2009, cháu Phàng Thị L, sinh ngày 22/5/2011 và cháu Phàng Tráng L1, sinh ngày 15/5/2015. Quá trình giải quyết vụ án chị Mùa Thị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Phàng Thị L, Phàng Tráng L1, giao cháu Phàng Thị D1 cho anh Phàng A C trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Phàng Thị M đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết, chưa yêu cầu anh Phàng A C cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 18/6/2026, nguyện vọng của cháu Phàng Thị D1 là mong muốn được ở với bố còn cháu Phàng Thị L và cháu Phàng Tráng L1 có nguyện vọng là được ở cùng mẹ. Tại phiên tòa chị chị Mùa Thị D có nguyện vọng được nuôi cháu Phàng Tráng L1, giao cháu Phàng Thị D1, Phàng Thị L cho anh Phàng A C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Còn anh Phàng A C thì không nhất trí và có nguyện vọng nuôi cả ba con chung, chưa yêu cầu chị Mùa Thị D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu Phàng Thị D1, Phàng Thị L, Phàng Tráng L1, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phàng Thị D1, sinh ngày 12/7/2009, cháu Phàng Thị L, sinh ngày 22/5/2011 cho anh Phàng A C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phàng Tráng L1, sinh ngày 15/5/2015 cho chị Mùa Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao

động là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Chị Mùa Thị D và anh Phàng A C chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Chị Mùa Thị D và anh Phàng A C có vay vốn Ngân hàng G tại phòng giao dịch Ngân hàng G với số tiền là 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*, thời hạn trả là ngày 12/10/2029. Xét thấy, đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, việc phân chia trách nhiệm trả nợ chung là của vợ chồng chị Mùa Thị D và anh Phàng A C. Do vậy, chị Mùa Thị D và anh Phàng A C có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người vay vốn đã thỏa thuận cho Ngân hàng G tại phòng giao dịch Ngân hàng G mỗi người là 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*.

[7] Về án phí: chị Mùa Thị D và anh P A C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã X là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, chị D có đơn xin miễn án phí, do vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Mùa Thị D và anh Phàng A C.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 59, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn chị Mùa Thị D:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mùa Thị D được ly hôn với anh Phàng A C.

2. Về con chung: Giao cháu Phàng Thị D1, sinh ngày 12/7/2009, cháu Phàng Thị L, sinh ngày 22/5/2011 cho anh Phàng A C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và giao cháu Phàng Tráng L1, sinh ngày 15/5/2015 cho chị Mùa Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Còn cháu Phàng Thị M, sinh ngày 01/8/2006 đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động không

yêu cầu giải quyết. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về cấp dưỡng: Chị Mùa Thị D và anh Phàng A C chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Mùa Thị D có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng G tại phòng G khi có yêu cầu; anh Phàng A C có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng G tại phòng G khi có yêu cầu.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Mùa Thị D và anh Phàng A C.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/9/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã Xím Vàng, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ứng Văn Cường